Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam: Bài học từ một số nước ASEAN

Th.S. Trần Tuấn Anh
Khoa Kinh tế cơ sở - Trường ĐH Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

1. Đặt vấn đề

Trong những thập niên gần đây, DNNVV đang là mục tiêu trọng tâm của các chính sách phát triển kinh tế ở những quốc gia đang phát triển, trong đó có Việt Nam. Chính phủ các nước và các tổ chức tài trợ quốc tế đặc biệt chú trọng đến đối tượng này vì những đóng góp to lớn của các doanh nghiệp nhỏ và vừa cho sự nghiệp xóa đói giảm nghèo, tạo công ăn việc làm và phát triển khu vực tư nhân. Mặc dù nhận được sự quan tâm ngày càng nhiều của các cơ quan hữu quan, nhưng những cuộc tranh luận xoay quanh các chính sách hỗ trợ cho sự phát triển của các doanh nghiệp nhỏ và vừa vẫn chưa đi đến hồi kết thúc. Tại một số quốc gia, chính phủ hỗ trợ các doanh nghiệp này dưới dạng phúc lợi và bảo trợ xã hội mà không chú trọng đến việc nâng cao hiệu quả hoạt động doanh nghiệp đã dẫn đến tình trạng bảo hộ quá mức các doanh nghiệp nhỏ và vừa, vô hình chung làm cản trở sự phát triển của khu vực tư nhân. Trong khi đó, nhiều quốc gia khác đã tạo lập được môi trường phát triển thuận lợi, bền vững cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa, giúp các doanh nghiệp đạt hiệu quả hoạt động cao nhất, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô. Bài viết tổng hợp kinh nghiệm của một số quốc gia ASEAN đã thành công trong quá trình thực hiện các chính sách này giúp hệ thống DNNVV phát triển, qua đó, rút ra những bài học kinh nghiệm trong quá trình phát triển hệ thống doanh nghiệp này tại Việt Nam.

2. Một số kinh nghiệm của các nước ASEAN thành công trong chính sách phát triển DNNVV

2.1. Kinh nghiệm của Singapore

Singapore là một quốc gia nhỏ bé ở khu vực Đông Nam Á, nằm giữa Malaysia và Indonesia; là một nước có mật độ dân số cao, nguồn tài nguyên khoáng sản không có, nông nghiệp không phát triển. Nhìn chung, nếu so sánh với các quốc gia khác trong khu vực, Singapore gặp nhiều khó khăn, khó có điều kiện phát triển.

Các ngành sản xuất, kinh doanh phát triển mạnh ở đây là cảng biển, đóng và sửa chữa tàu biển, lọc dầu, lắp ráp máy móc tinh vi, sản xuất hàng điện tử, hàng bán dẫn... Ngành thương mại và dịch vụ có nhiều ưu thế, chiếm đến 40% thu nhập quốc dân. Thời gian vừa qua Singapore cũng đi đầu trong việc chuyển đổi sang nền kinh tế tri thức, hoạt động đào tạo đem lại cho họ một nguồn thu không nhỏ, số lượng sinh viên, học sinh từ nhiều nước trên thế giới đến du học ở đây mỗi năm một tăng. Nhiều cơ sở đào tạo đạt chất lượng rất cao, có trường đại học của Singapore đã lọt vào tốp 50 trường đại học hàng đầu trên thế giới.

Để có được những thành tựu nêu trên Chính phủ Singapore đã có nhiều chính sách đổi mới, trong đó phải kể đến những chính sách hỗ trợ DNNVV, tạo điều kiện cho khu vực kinh tế này phát triển. Bởi vì các doanh nghiệp vừa và nhỏ có khả năng khai thác có hiệu quả các tiềm năng, đóng góp đáng kể cho nền kinh tế, đồng thời góp phần giải quyết hàng loạt các vấn đề xã hội khác như: giải quyết việc làm cho lao động, giảm các tệ nạn, cải thiện đời sống người dân...

Đến cuối thập niên 1980, Singapore đã trở thành điểm đến của nhiều công ty đa quốc gia với trên 600 cơ sở sản xuất lớn, 2.800 chi nhánh thương mại dịch vụ. Trong đó, phần lớn các nguồn cung cấp nguyên liệu, phụ tùng, dịch vụ hỗ trợ cho các công ty đa quốc gia có nguồn gốc từ DNNVV. Đây cũng là nguyên nhân làm cho khu vực DNNVV năng động hơn với kết quả 92% tổ chức kinh doanh tại Singapore là DNNVV sử dụng 495.584 lao động chiếm 48% lực lượng lao động cả nước, đóng góp 21 tỷ USD trong tổng giá trị gia tăng của nền kinh tế chiếm 29%. Triết lý quan trọng của Singapore trong hỗ trợ phát triển DNNVV là thông qua các chính sách giúp doanh nghiệp phát triển và nâng cao khả năng cạnh trong phạm vi kinh tế thị trường tự do. Một số chương trình hỗ trợ được thực hiện như sau:

- Viện trợ không hoàn lại để huấn luyện DNNVV: Quỹ phát triển kỹ năng Singapore được thành lập để thực hiện nhiều chương trình nhằm khuyến khích huấn luyện người lao động trong các DNNVV. Mục tiêu của quỹ nhằm hỗ trợ việc phân tích nhu cầu về kỹ năng, huấn luyện tại nơi làm việc. Khoảng 32.000 hãng và 200 nhân viên được hưởng từ quỹ này qua các chương trình huấn luyện nâng cao.

- Hình thành nhóm kinh tế trong DNNVV: Năm 1992, Chính phủ Singapore bắt đầu xúc tiến hình thành các nhóm kinh tế trong DNNVV địa phương

nhằm giúp họ tăng sức cạnh tranh và hoạt động hiệu quả hơn. Một trung tâm đã được thành lập để huấn luyện và tư vấn cho việc phát triển chi nhánh, hỗ trợ tài chính cho việc hình thành nhóm.

Vấn đề đổi mới cơ chế quản lý doanh nghiệp cũng được Chính phủ quan tâm nhiều. Cơ quan quản lý các cấp hàng năm đều thực hiện rà soát các văn bản pháp quy xem còn phù hợp với tình hình thực tế không; Kiến nghị kịp thời cấp có thẩm quyền thay thế, sửa đổi các văn bản lạc hậu, không có tác dụng khuyến khích các doanh nghiệp phát triển sản xuất, kinh doanh. Cuối mỗi năm Chính phủ đều mời các doanh nghiệp đến gặp gỡ và lắng nghe ý kiến đóng góp của họ; đồng thời tổ chức cho các doanh nghiệp chấm điểm cho các cơ quan thuộc Chính phủ để đánh giá chất lượng phục vụ doanh nghiệp của các cơ quan này. Những cơ quan hỗ trợ doanh nghiệp có điểm đánh giá thấp đều phải rà soát lại cung cách làm việc, cải tiến lề lối tránh gây phiền hà. Các cơ quan có điểm đánh giá cao được Chính phủ biểu dương, khen thưởng kịp thời.

2.2. Kinh nghiệm của Thái Lan

Trước đây, Thái Lan hầu như không có hệ thống chính sách trợ giúp các DNNVV. Tuy nhiên, hiện nay chính sách về DNNVV đang trở thành một trong những tiêu điểm của hệ thống chính sách cải cách kinh tế của Thái Lan kể từ sau cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ năm 1997. Các DNNVV được coi là những nhân tố chủ chốt trong quá trình hồi phục hậu khủng hoảng của Thái Lan. Trọng tâm của các chính sách trợ giúp DNNVV của Thái Lan là phát triển các mạng lưới trợ giúp công nghiệp phục vụ xuất khẩu với mục tiêu chính là phục vụ cho chiến lược phục hồi sau khủng hoảng của Thái Lan dựa trên phát triển xuất khẩu và thu hút đầu tư nước ngoài. Dưới đây là các nội dung chủ yếu của các chính sách DNNVV mới được ban hành của Thái Lan.

- Củng cố mạng lưới thể chế chuyên trách về DNNVV. Thái Lan thành lập Uỷ ban khuyến khích DNNVV (SMEPO) là cơ quan độc lập trực thuộc Thủ tướng Chính phủ. Nhiệm vụ của Uỷ ban là soát xét định nghĩa cá về DNNVV, đề xuất các chính sách và biện pháp khuyến khích DNNVV và quản lý Quỹ phát triển DNNVV. Uỷ ban này có trách nhiệm chuẩn bị Sách trắng hàng năm về DNNVV Thái Lan đệ trình Thủ tướng. Quỹ phát triển DNNVV trực thuộc SMEPO cũng được thành lập. Quỹ này được Chính phủ cấp vốn hàng năm, được trợ giúp bởi khu vực tư nhân, các chính phủ nước ngoài và các tổ chức quốc tế. Thái Lan cũng thành lập Viện Nghiên cứu phát triển DNNVV, củng cố các tổ chức như Tập đoàn bảo lãnh tín dụng kinh doanh nhỏ, Tập đoàn tài chính kinh doanh nhỏ, Hiệp hội công nghiệp.

- Hoạch định kế hoạch lớn phát triển DNNVV. Kế hoạch lớn phát triển DNNVV bao gồm 7 chiến lược cơ bản để trợ giúp các DNNVV. Mỗi chiến lược cơ bản này lại bao gồm nhiều biện pháp cụ thể nhằm thực hiện mục tiêu chung của chiến lược. Các chiến lược đó là nâng cấp năng lực kỹ thuật và quản lý của các DNNVV; phát triển doanh nhân và nguồn lực con người của các DNNVV; nâng cao khả năng tiếp cận thị trường của các DNNVV; tăng cường hệ thống trợ giúp các DNNVV; cung cấp môi trường kinh doanh thuận lợi hơn; phát triển các doanh nghiệp cực nhỏ và các doanh nghiệp cộng đồng; và phát triển các mạng lưới và các cụm DNNVV.

- Xác định các nhóm ngành cần phải nhanh chóng phát triển mạng lưới DNNVV. Chính phủ Thái Lan đã chỉ ra 10 ngành cần phải nhanh chóng phát triển mạng lưới các DNNVV, được chia là 2 nhóm: Nhóm 1 gồm 5 ngành mà sự phát triển của các DNNVV là cực kỳ quan trọng và cấp bách, đó

là lương thực và thức ăn gia súc; dệt may; sản phẩm nhựa; thiết bị điện và điện tử; và ô tô và bộ phận ô tô. Nhóm 2 gồm 5 ngành mà sự phát triển của các DNNVV là quan trọng vừa phải, bao gồm các ngành như da và giầy dép; sản phẩm gỗ; cao su và sản phẩm cao su; gốm và kính; và đá quý và đồ trang sức. Tất cả 10 ngành này là những ngành công nghiệp có định hướng xuất khẩu, có kết cấu hạ tầng tương đối tốt và có giá trị gia tăng cao.

- Hoạch định chương trình hành động nhằm phát triển các DNNVV. Chương trình này đề ra 18 biện pháp cần phải thực hiện để phát triển các DNNVV. Một số biện pháp quan trọng gồm trợ giúp tài chính cho các DNNVV; thành lập và phát triển thị trường vốn cho các DNNVV; đào tạo doanh nhân và người lao động; hỗ trợ phát triển công nghệ mới; hỗ trợ nghiên cứu và tìm kiếm thị trường; phát triển các liên kết giữa các DNNVV và các DN lớn; phát triển các hiệp hội DNNVV; phát triển các DNNVV ở nông thôn; sửa đổi các quy định luật pháp gây trở ngại cho các DNNVV

2.3. Kinh nghiệm của Philippines và Indonesia

Chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Philippines, Indonesia đều tập trung vào một số nội dung chủ yếu sau đây:

Một là, tạo cơ sở pháp lý đối với các DNNVV.

Hai là, hỗ trợ về tài chính cho các DNNVV, mà chủ yếu là thông qua hệ thống ngân hàng.

Ba là, hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm hàng hóa: Đối với DNNVV tiêu thụ sản phẩm hàng hóa là một khó khăn lớn nhất, đặc biệt trong điều kiện toàn cầu hóa nền kinh tế. Để nâng cao khả năng cạnh tranh hàng hóa của DNNVV, vấn đề cơ bản là hỗ trợ về khoa học — công nghệ, nâng cao chất lượng — sản phẩm, coi trọng các sản phẩm mang tính truyền thống dân tộc độc đáo.

Bốn là, hỗ trợ về khoa học — công nghệ, đào tạo tư vấn, thông tin: Việc hỗ trợ khoa học — công nghệ cho DNNVV chủ yếu là chuyển giao công nghệ, đào tạo nâng cao chất lượng tay nghề lao động và người quản lý, cung cấp thông tin cần thiết. Như vậy, vừa

nâng cao năng suất và hiệu quả, vừa nâng cao khả năng cạnh tranh sản phẩm hàng hóa của DNNVV.

Năm là, tạo mối quan hệ hợp tác giữa các DNNVV với các doanh nghiệp lớn, đẩy mạnh quan hệ hợp tác trong các DNNVV. Các nước đều coi trọng tạo mối quan hệ hợp tác DNNVV và các doanh nghiệp lớn, có quy định pháp lý bắt các doanh nghiệp lớn phải hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ, cả vốn, kỹ thuật, công nghệ và hoạt động kinh doanh; còn DNNVV trở thành vệ tinh, tham gia chế tạo các phụ tùng, phụ kiện cho doanh nghiệp lớn. Các nước rất coi trọng các hình thức tổ chức hợp tác của các doanh nghiệp nhỏ và vừa do yêu cầu của sản xuất kinh doanh, giúp nhau giải quyết đầu vào và đầu ra cho DNNVV, đặc biệt tạo thuận lợi cho vay vốn ngân hàng.

Sáu là, thành lập các cơ quan quản lý, đại diện hỗ trợ DNNVV. Các nước đều có cơ quan chuyên quản và hỗ trợ DNNVV.

3. Bài học cho Việt Nam

Từ kinh nghiệm của các nước về chính sách tài chính hỗ trợ phát triển DNNVV, ta có thể thấy chính sách hỗ trợ phát triển DNNVV là khác nhau ở mỗi nền kinh tế. Tùy theo tình hình kinh tế, xã hội mà các nền kinh tế sử dụng linh hoạt chính sách hỗ trợ để phát triển DNNVV một cách hiệu quả. Việt Nam có thể áp dụng một số biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động cho các DNNVV trong nước:

Hoàn thiện hệ thống luật pháp hỗ trợ và bảo vệ quyền lợi tối đa cho các DNNVV. Nền kinh tế thị trường là nền kinh tế dựa trên luật pháp, do vậy một môi trường luật pháp thuận lợi, tích cực sẽ hỗ trợ các DNNVV nhiều hơn là những chính sách ưu đãi của Chính phủ.

Xây dựng một hệ thống các tổ chức tài chính phục vụ cho nhu cầu vốn của các DNNVV. Khó khăn của các DNNNVV hiện nay trong việc tiếp cận nguồn vốn vay là vấn đề thế chấp/bảo lãnh và việc chính phủ hỗ trợ quá mức cho các doanh nghiệp Nhà nước. Một biện pháp trực tiếp nhằm khắc phục khó khăn này là thành lập các tổ chức tài chính phục vụ cho các chính sách của chính phủ để cấp vốn cho các DNNVV. Khi chưa thực hiện được điều này, cần yêu cầu các ngân hàng quốc doanh tăng cường tài trợ và hỗ trợ các dịch vụ tài chính khác cho các DNNVV. Tuy nhiên, chính phủ chỉ can thiệp vào hoạt động huy động vốn của các DNNVV bằng các chính sách tài trợ khi thị trường tài chính với các cơ chế độc lập của nó không thể thực hiện được điều này để tránh sự phụ thuộc quá mức của DN vào vốn tài trợ của chính phủ đồng thời giảm bớt gánh nặng cho ngân sách.

Việc hỗ trợ các doanh nghiệp phải có hiệu quả, nghĩa là phải để tự doanh nghiệp nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường, nhà nước chỉ giữ vai trò hỗ trợ, giúp đỡ chứ không bao cấp. Đa số các quốc gia đều hỗ trợ thuế, vốn, tín dụng, công nghệ thông tin cho DNNVV với các hình thức chính là cấp tín dụng trực tiếp, cho vay với lãi suất thấp, bảo lãnh tín dụng, trợ cấp nghiên cứu và phát triển... Ngoài ra, trợ giúp marketing, phát triển thị trường cũng được rất nhiều nước áp dụng, đặc biệt là hỗ trợ về công nghệ và đào tạo bằng các hình thức như chuyển giao công nghệ với giá ưu đãi, hỗ trợ kỹ thuật của các viện nghiên cứu, trực tiếp tổ chức các trung tâm đào tạo...

Để phát triển khu vực DNNVV không chỉ cần có chương trình, chính sách hỗ trợ, có quan điểm, chiến lược đúng đắn mà còn cần đến sự hợp tác chặt chẽ giữa Chính phủ và cộng đồng doanh nghiệp, giữa các doanh nghiệp với nhau. Chính phủ phải tạo nên môi trường hợp tác kinh doanh thuận lợi. Điều nay cho phép DNNVV hành động vừa độc lập, vừa kết hợp với nhau để nâng cao sức cạnh tranh trong khu vực cũng như trên thị trường quốc tế. Chính phủ phải có định hướng phát triển DNNVV rõ ràng, phù hợp với từng giai đoạn và phải khuyến khích, điều tiết hợp lý bằng hệ thống chính sách linh hoạt và phù hợp với yêu cầu của từng giai đoạn đó.

4. Kết luận

Phát triển hệ thống các DNNVV là một mục tiêu trọng tâm của các nền kinh tế nhằm phát huy mọi nguồn lực cho phát triển. Với quan điểm đó, hệ thống DNNVV cần được phát triển ngày càng tăng và lớn mạnh. Tuy nhiên, đứng trước những biến động kinh tế, đương đầu với sự cạnh tranh khốc liệt. Chỉ bằng sự nỗ lực đơn lẻ của chính doanh nghiệp thì khó có thể thành công mà cần có sự hỗ trợ tích cực của nhà nước trong chính sách phát triển, quan đó khắc phục những hạn chế, tồn tại, tạo điều kiện thuận lợi, rõ ràng và minh bạch nhằm khuyến khích các DNNVV phát triển. Hy vọng rằng, những kinh nghiệm trong chính sách hỗ trợ phát triển sẽ được chúng ta tận dụng thành công, qua đó, giúp hệ thống các DNNVV có những bước phát triển bền vững./.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Hà Phương. Viện chiến lược ngân hàng. "Kinh nghiệm quốc tê về chính sách tài chính hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa". Cổng thông tin điện tử bộ kế hoạch và đầu tư. Ngày 15/12/2012.

2. Trung Ninh. Thời báo tài chính. " Hơn 67,8 nghìn doanh nghiệp phá sản, ngừng hoạt động trong năm 2014". Ngày 28/12/2014.

3. Thông tin phục vụ lãnh đạo, số 5 — tháng 3/2012. Viện Chiến lược và Chính sách tài chính — Bộ Tài chính.